

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT****Mã số thuế: 0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Mã của cơ quan thuế: 0059B0327E701B4F57B34CE24068E0400DKý hiệu: **1C22TMD**Số: **92**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ BẮC SÔNG HIẾN

Địa chỉ: Số nhà 37, tổ 10, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Số tài khoản: 19038049802011 Tại: Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam - Techcombank Đông Đô

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 4800928404

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|------------------------------|--|-----|----------|-----------------------|-------------|
| 1 | Quyết toán hợp đồng Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO, ký ngày 10/10/2022. | | | | 303.548.008 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ: | | | | | 303.548.008 |
| Thuế suất GTGT: 8% | | | | Tiền thuế GTGT: | 24.283.841 |
| | | | | Tổng tiền thanh toán: | 327.831.849 |

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm ba mươi một nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng**Người mua hàng**

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN
KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT**

Ngày ký: 30/12/2022 16:24:44

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: **1DC831138BB4C63D**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 10 năm 2022

HỢP ĐỒNG

Số: 69./2022/KSĐC/BSH-CODECO

**GÓI THẦU: KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH GIAI
ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI VÀ
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

**DỰ ÁN: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BẮC SÔNG HIẾN, THÀNH
PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

**ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG SÔNG HIẾN, THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH
CAO BẰNG**

Giữa

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ BẮC SÔNG HIẾN

và

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT**



MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG..... | 1 |
| PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG | 2 |
| Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải | 2 |
| Điều 2. Hồ sơ của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên..... | 3 |
| Điều 3. Thông báo và yêu cầu | 3 |
| Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng | 3 |
| Điều 5. Các biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng..... | 4 |
| Điều 6. Phạm vi và khối lượng Công việc | 4 |
| Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng Sản phẩm tư vấn | 4 |
| Điều 8. Nghiệm thu Sản phẩm tư vấn | 5 |
| Điều 9. Thời gian thực hiện Hợp đồng..... | 5 |
| Điều 10. Giá trị Hợp đồng và thanh toán | 6 |
| Điều 11. Điều chỉnh Giá trị Hợp đồng | 7 |
| Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B | 7 |
| Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên A | 8 |
| Điều 14. Sự kiện bất khả kháng..... | 8 |
| Điều 15. Đơn phương chấm dứt hợp đồng | 9 |
| Điều 16. Thưởng, phạt Hợp đồng..... | 9 |
| Điều 17. Giải quyết tranh chấp..... | 9 |
| Điều 18. Điều khoản chung | 10 |
| Phụ lục số 01. BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG | 11 |
| Phụ lục số 02. NHÂN LỰC THỰC HIỆN GÓI THẦU CỦA BÊN B | 12 |
| BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG | 13 |

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng ban hành theo văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Quyết định số 23 /2022/QĐ-BSH ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH đô thị Bắc Sông Hiến về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Tư vấn khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công cho Dự án phát triển đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên.



PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại Công ty TNHH đô thị Bắc Sông Hiến, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu (Bên A): Công ty TNHH đô thị Bắc Sông Hiến

- Đại diện là: Ông **Nguyễn Quang Hùng** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số nhà 037 tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

- Tài khoản: 19038049802011 tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam Techcombank Đông Đô

- Mã số thuế: 4800928404

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất

- Đại diện là: Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài khoản số: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

- Mã số thuế: 0101074336

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là “hai Bên” hoặc “các Bên” và gọi riêng là “Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thỏa thuận và cùng thống nhất ký kết hợp đồng này với những điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Dự án: Được hiểu là dự án phát triển đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

1.2. Hợp đồng: Được hiểu là hợp đồng này bao gồm cả các Phụ lục kèm theo được ký kết bởi Bên A và Bên B và tất cả các văn bản khác được các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hợp đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của hợp đồng tại thời điểm ký kết.

1.3. Công việc: Được hiểu là các công việc mà Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng và các công việc khác để hoàn thiện các công việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc quy định của pháp luật.

1.4. Sản phẩm tư vấn: Được hiểu là các sản phẩm từ việc thực hiện Công việc của Bên B, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sản phẩm sau: Phương án khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát.

1.5. Đại diện Bên A: Được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Bên A ủy quyền hoặc chỉ định thay mặt cho Bên A điều hành Công việc.

1.6. Đại diện Bên B: Được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Bên B ủy quyền hoặc chỉ định thay mặt cho Bên B điều hành Công việc.

1.7. Bên thứ ba: Được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp đồng.

1.8. Nhân lực: Được hiểu là cá nhân chịu sự quản lý về lao động của Bên B có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Công việc theo quy định của Hợp đồng này.

1.9. Ngày hoặc ngày được hiểu là ngày dương lịch và **Tháng hoặc tháng** được hiểu là tháng dương lịch.

1.10. Ngày làm việc: Được hiểu là bất kỳ ngày nào, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

1.11. Pháp luật: Được hiểu là là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ của Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Hợp đồng và các Phụ lục của Hợp đồng;
- b) Nhiệm vụ khảo sát đã được Bên A chấp thuận.
- c) Các bản vẽ chỉ định hố khoan;
- d) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Thông báo và yêu cầu

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện theo địa chỉ ghi tại phần đầu của Hợp đồng.

3.2. Thông báo bằng văn bản nêu trên được coi là đã nhận sau khi gửi (trong trường hợp gửi trực tiếp), hoặc sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi thư bảo đảm.

3.3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bên nhận thông báo không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Bên gửi thông báo, thì coi như Bên nhận thông báo đã chấp nhận những nội dung được ghi trong thông báo.

3.4. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Các biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng

5.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng:

Bên B phải nộp cho Bên A một bảo lãnh để đảm bảo thực hiện Hợp đồng vô điều kiện và không hủy ngang ("**Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng**") có giá trị bằng 10% (*mười phần trăm*) giá trị Hợp đồng trong vòng 05 (*năm*) ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký kết. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và theo mẫu đính kèm Hợp đồng này hoặc có nội dung được Bên A chấp thuận.

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng vô điều kiện và không hủy ngang có hiệu lực kể từ ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực cho tới khi Hai Bên ký kết biên bản nghiệm thu, hoàn thành Công việc của Hợp đồng. Tối thiểu 07 (*bảy*) ngày làm việc trước ngày Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hết hiệu lực, Bên B có trách nhiệm chủ động thực hiện các thủ tục để Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp tiến độ thực hiện Công việc bị kéo dài. Chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Bên B thanh toán.

5.2. Bảo lãnh tạm ứng: Không áp dụng.

5.3. Gia hạn bảo lãnh

Bên B có trách nhiệm chủ động gia hạn bảo lãnh. Trường hợp Bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên B bị phạt 01% (*một phần trăm*) giá trị bảo lãnh cho mỗi ngày chậm gia hạn, đồng thời Bên A dừng thanh toán cho đến khi Bên B gia hạn bảo lãnh.

Điều 6. Phạm vi và khối lượng Công việc

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói thầu Tư vấn khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công cho Dự án theo đúng các quy chuẩn và quy định của pháp luật.

6.1. Phạm vi Công việc mà Bên B phải thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- a) Lập phương án khảo sát theo quy định.
- b) Thu thập số liệu, khảo sát hiện trường.
- c) Định vị, khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý của đất đá;
- d) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát.
- e) Các công việc khác có liên quan để hoàn thành toàn bộ Công việc theo yêu cầu của Bên A.

6.2. Khối lượng công việc: Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng này.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng Sản phẩm tư vấn

7.1. Chất lượng Sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung Hợp đồng đã ký kết giữa các Bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng phải được Bên B hoàn chỉnh, bổ sung theo yêu cầu của Bên A.

7.2. Số lượng Sản phẩm tư vấn bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

a) Báo cáo kết quả khảo sát: 06 bộ gốc;

b) 03 bản photo công chứng hồ sơ năng lực của Bên B: đăng ký kinh doanh; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức; chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát; giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm...

c) 01 usb chứa toàn bộ file mềm liên quan đến Sản phẩm tư vấn theo định dạng gốc (word, excel...) có thể mở, đọc và chỉnh sửa được.

Điều 8. Nghiệm thu Sản phẩm tư vấn

8.1. Căn cứ nghiệm thu Sản phẩm tư vấn:

a) Hợp đồng đã ký kết giữa Các Bên.

b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát.

c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát.

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng.

8.2. Thành phần nghiệm thu:

a) Đại diện Bên A;

b) Đại diện Bên B;

c) Đại diện Bên thứ ba khác theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có).

8.3. Nội dung biên bản nghiệm thu Sản phẩm tư vấn:

Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); chữ ký, họ tên, chức vụ người đại diện và đóng dấu pháp nhân của các thành phần trực tiếp nghiệm thu.

8.4. Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót:

a) Bằng kinh phí của mình, Bên B phải:

Hoàn thành các Công việc còn tồn đọng và/hoặc khắc phục các sai sót trong khoảng thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A hoặc thời gian quy định trong biên bản nghiệm thu, đảm bảo chất lượng theo quy định.

b) Trường hợp Bên B không sửa chữa, khắc phục các sai sót:

Nếu Bên B không sửa chữa, khắc phục các sai sót và/hoặc việc sửa chữa khắc phục sai sót không đạt yêu cầu của Bên A thì Bên A có quyền tự thực hiện Công việc hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan và chi phí này sẽ được thanh toán/khấu trừ theo yêu cầu của Bên A và Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A phát sinh từ những sai sót hoặc tồn đọng đó.

Điều 9. Thời gian thực hiện Hợp đồng

9.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

9.2. Thời gian thực hiện Hợp đồng là thời gian để Bên B hoàn thành Sản phẩm tư vấn đề trình Bên A xem xét, thẩm tra, thẩm định hoặc phê duyệt, không bao gồm thời gian chờ xét duyệt, cũng như các trường hợp bất khả kháng khác.

Điều 10. Giá trị Hợp đồng và thanh toán

10.1. Giá trị Hợp đồng:

a) Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: **300.048.840 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

b) Chi tiết giá trị Hợp đồng được nêu tại Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng này. Giá trị Hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí sau:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền ăn...), chi phí máy móc thiết bị (bao gồm cả chi phí huy động, giải thể), chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí khảo sát thực địa; chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu, báo cáo;

- Chi phí in ấn hồ sơ, báo cáo.

- Các chi phí khác có liên quan để thực hiện toàn bộ Công việc.

c) Giá trị quyết toán Hợp đồng là giá trị theo khối lượng thực tế Bên B thực hiện, được Bên A chấp thuận nghiệm thu.

10.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

10.3. Tạm ứng:

a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Bên B vận chuyển toàn bộ máy móc thiết bị đến công trường, được Bên A chấp thuận nghiệm thu, đồng thời Bên A nhận được hồ sơ tạm ứng hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền tương ứng với 30% (ba mươi phần trăm) Giá trị Hợp đồng.

b) Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- Hợp đồng đã ký giữa các Bên: bản sao;

- Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B: bản gốc;

- Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị huy động đến công trường: bản gốc.

10.4. Thanh toán

a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ Công việc tại hiện trường, được Bên A chấp thuận nghiệm thu, đồng thời Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền tương ứng với 30% Giá trị Hợp đồng.

b) Hồ sơ thanh toán gồm:

- Hợp đồng đã ký giữa các Bên: bản sao;

- Đề nghị thanh toán của Bên B: bản gốc;

- Biên bản nghiệm thu công việc thực hiện tại hiện trường: bản gốc;

- Bảng tính giá trị thanh toán có xác nhận của Các Bên: bản gốc;
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ: bản gốc.

10.5. Quyết toán:

a) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B hoàn thành toàn bộ Công việc, được Bên A chấp thuận nghiệm thu, đồng thời Bên A nhận đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% (một trăm phần trăm) giá trị quyết toán Hợp đồng và trừ đi các khoản tiền sau: tiền đã tạm ứng; tiền đã thanh toán; tiền bồi thường thiệt hại; tiền phạt vi phạm hợp đồng và các khoản chi phí khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có).

b) Hồ sơ quyết toán gồm:

- Hợp đồng đã ký giữa các Bên: bản sao;
- Đề nghị thanh toán của Bên B: bản gốc;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc có xác nhận của Các Bên: bản gốc;
- Bảng tính giá trị quyết toán có xác nhận của Các Bên: bản gốc;
- Biên bản thanh lý hợp đồng: bản gốc;
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ: bản gốc.

10.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: tiền Việt Nam đồng (VND).

b) Hình thức thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như quy định tại phần đầu của hợp đồng.

Điều 11. Điều chỉnh Giá trị Hợp đồng

11.1. Giá trị Hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- a) Bên A thay đổi khối lượng và phạm vi Công việc.
- b) Các trường hợp khác theo thỏa thuận của Hai Bên;

11.2. Trong các trường hợp phải điều chỉnh Giá trị Hợp đồng, trước khi tiến hành Công việc, Hai Bên sẽ cùng bàn bạc, thỏa thuận bằng văn bản về phương pháp, cách thức điều chỉnh Giá trị Hợp đồng và đưa vào Phụ lục Hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

12.1. Quyền của Bên B:

- a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến Công việc;
- b) Từ chối thực hiện công việc trái pháp luật của Bên A.
- c) Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn khi đã cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng.

12.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Đảm bảo Bên B có đầy đủ điều kiện, năng lực để thực hiện Công việc cho Bên A theo Hợp đồng;
- b) Đảm bảo rằng tất cả các Công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với yêu cầu của Hợp đồng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

- c) Hoàn thành Công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng;
- d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp để lộ thông tin, gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù (nếu có);
- e) Chủ động thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho việc thực hiện Công việc;
- f) Sắp xếp, bố trí Nhân lực với năng lực cần thiết, phù hợp như danh sách đã được Bên A phê duyệt, liệt kê tại Phụ Lục số 02 đính kèm Hợp Đồng này để phục vụ Công việc. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ Nhân lực nào của Bên B nếu người đó được cho là quản lý kém hoặc không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng trong công việc. Khi đó, Bên B phải cử người khác có đủ năng lực thay thế trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, chi phí thay thế nhân sự này do Bên B chịu và trong trường hợp này Bên B không được trì hoãn thực hiện Công việc;
- g) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu có liên quan với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng;
- h) Sửa đổi, bổ sung Sản phẩm tư vấn, hồ sơ quyết toán; khắc phục sai sót, tồn đọng theo yêu cầu của Bên A;
- i) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng;
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

13.1. Quyền của Bên A:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng Sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng mà không cần có sự đồng ý của Bên B.
- b) Từ chối nghiệm thu Sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo quy định của Hợp đồng.
- c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung Sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo quy định của Hợp đồng;
- d) Yêu cầu Bên B thay đổi Nhân lực không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.
- e) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

13.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Cung cấp cho Bên B thông tin, tài liệu để Bên B thực hiện Công việc (nếu có).
- b) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng quy định của Hợp đồng.

Điều 14. Sự kiện bất khả kháng

14.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát của Các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tai họa thiên nhiên như động đất, mưa bão và các sự kiện khác như phong tỏa vì dịch bệnh làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của Một Bên và/hoặc Các Bên phát sinh từ Hợp đồng này cũng như việc thực hiện Hợp đồng.

14.2. Bên Bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Sự kiện bất khả kháng không được muộn hơn 02 (hai) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

14.3. Nếu do hậu quả của Sự kiện bất khả kháng mà Bên hoặc Các Bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp đồng này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng thì Các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc về việc chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện Hợp đồng và giải quyết các hậu quả phát sinh.

Điều 15. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

15.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A:

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng tại bất cứ thời điểm nào nếu:

a) Bên B không thực hiện đầy đủ Công việc và đúng tiến độ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

b) Bên B chuyển nhượng, chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng hoặc giao cho Bên thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công việc mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

c) Bên B không có đủ năng lực chuyên môn, năng lực pháp lý để thực hiện Công việc vào bất kỳ thời gian nào trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

d) Bên A có quyền giao lại các Công việc còn dang dở cho đơn vị khác thực hiện tiếp sau khi chấm dứt Hợp đồng với Bên B. Bên B sẽ phải trả toàn bộ chi phí phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A và đền bù thiệt hại do chậm tiến độ của Dự án (nếu có) cho Bên A.

e) Bên A sẽ xem xét việc thanh toán cho Bên B các phần Công việc Bên B thực hiện mà Bên A đã chấp thuận, nghiệm thu sau khi xác định được các chi phí mà Bên B phải chi trả, đền bù do việc chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A.

15.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B:

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng đến Bên A nếu:

a) Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc chậm thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

b) Bên A phá sản, vỡ nợ hoặc giải thể doanh nghiệp.

Điều 16. Thuởng, phạt Hợp đồng

16.1. Thuởng Hợp đồng: không áp dụng

16.2. Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên B thực hiện Công việc chậm quá 03 (ba) ngày theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng thì chịu phạt 1% (một phần trăm) Giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% (mười hai phần trăm) Giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

17.1. Mọi tranh chấp đều phải được Hai Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thiện chí và xây dựng nhằm bảo đảm quyền lợi của cả Hai Bên.

17.2. Trường hợp Hai Bên không đạt được thoả thuận giải quyết tranh chấp thì một trong Hai Bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc Hai Bên phải tuân theo. Chi phí giải quyết tranh chấp thông qua tòa án sẽ do Bên thua kiện chịu.

Điều 18. Điều khoản chung

18.1. Các Bên cam kết nghiêm túc tuân thủ các thoả thuận quy định tại Hợp đồng này.

18.2. Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng này phải được Các Bên thoả thuận, xác lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của người đại diện và con dấu của mỗi Bên. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp đồng là một phần không tách rời của Hợp đồng.

18.3. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để cùng thực hiện.

18.4. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký ghi tại phần đầu của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng

Phụ lục số 01
BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
 (Kèm theo Hợp đồng số .64../2022/KSĐC/BSH-CODECO)

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----|--|--------|------------|-----------|--------------------|
| 1 | Khoan khảo sát địa chất cấp đất đá I-III | m | 158 | 639.000 | 100.962.000 |
| 2 | Khoan khảo sát địa chất cấp đất đá IV-VI | m | 92 | 915.000 | 84.180.000 |
| 3 | Thí nghiệm SPT cấp đất đá I-III | lần | 79 | 297.000 | 23.463.000 |
| 4 | Thí nghiệm 9 chỉ tiêu của mẫu đất nguyên dạng | mẫu | 7 | 1.249.000 | 8.743.000 |
| 5 | Thí nghiệm 7 chỉ tiêu của mẫu đất không nguyên dạng | mẫu | 5 | 1.023.000 | 5.115.000 |
| 6 | Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá | mẫu | 4 | 1.835.000 | 7.340.000 |
| 7 | Thí nghiệm nén cố kết 1 trục dài hạn với các lớp đất yếu | mẫu | 7 | 416.000 | 2.912.000 |
| 8 | Thí nghiệm nén 3 trục theo sơ đồ CU | mẫu | 3 | 6.772.000 | 20.316.000 |
| 9 | Thí nghiệm nén 3 trục theo sơ đồ UU | mẫu | 3 | 3.387.000 | 10.161.000 |
| 10 | Vận chuyển nhân lực, máy móc thiết bị | TB | 1 | 5.872.000 | 5.872.000 |
| 11 | Đền bù hoa màu, cây cối phục vụ đường đi máy và vị trí khoan | hố | 19 | 461.000 | 8.759.000 |
| | Cộng giá trước thuế | | | | 277.823.000 |
| | Thuế 8% | | | | 22.225.840 |
| | Cộng giá sau thuế | | | | 300.048.840 |

Bằng chữ: Ba trăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng

Phụ lục số 02
NHÂN LỰC THỰC HIỆN GÓI THẦU CỦA BÊN B
 (Kèm theo Hợp đồng số 64../2022/KSĐC/BSH-CODECO)

| STT | Tên | Chức danh/Nhiệm vụ | Chữ ký |
|-----|----------------------|-------------------------------|--------|
| 1 | TS. Đỗ Minh Tính | Chủ trì khảo sát | |
| 2 | KS. Nguyễn Xuân Đạo | Kỹ sư trắc địa | |
| 3 | KS. Nguyễn Danh Hào | Kỹ thuật hiện trường | |
| 4 | KS. Đinh Hồng Chuyên | Trưởng Phòng thí nghiệm | |
| 5 | KS. Phạm Văn Tú | Cán bộ thí nghiệm trong phòng | |
| 6 | KS. Phạm Văn Lương | Cán bộ thí nghiệm trong phòng | |

- Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có bằng cấp chuyên môn theo quy định, có trình độ, kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao.

- Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Bên B chỉ được phép thay đổi nhân sự khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp Đồng. Bên B phải bố trí nhân sự khác thay thế trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Toàn bộ chi phí thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng

Số/BLTHHD/.....

....., ngày.....thángnăm 20.....

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**Kính gửi:**

- Căn cứ Luật các Tổ Chức Tín dụng năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/06/2015 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng;
- Căn cứ các quy định Pháp luật có liên quan.

Xem xét việc khách hàng của chúng tôi (Tên, đăng ký kinh doanh, địa chỉ) (sau đây gọi là "**Nhà thầu**") đã tham gia hợp đồng số trị giá (Đã bao gồm cả thuế GTGT) (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**") với(Tên Chủ đầu tư, địa chỉ) (sau đây gọi là "**Người thụ hưởng**") cho việc thực hiện gói thầu:(Tên gói thầu) thuộc dự án và Hợp đồng yêu cầu nhà thầu phải cung cấp cho người thụ hưởng một bảo lãnh thực hiện hợp đồng trị giá(ghi bằng số) (*Bằng chữ*.....), tương đương với% (..... phần trăm) giá trị hợp đồng để đảm bảo cho việc nhà thầu thực hiện nghĩa vụ của họ theo quy định của Hợp đồng.

Vì vậy Chúng tôi (Tên Ngân hàng, trụ sở....) (sau đây được gọi là "**Bên bảo lãnh**") đồng ý phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng được đề cập ở trên và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho Nhà thầu chịu trách nhiệm trực tiếp trước Người thụ hưởng tổng số tiền không vượt quá (*Số tiền bằng chữ*.....) để thanh toán cho Người thụ hưởng trong phạm vi số tiền mà chúng tôi cam kết và tự chịu trách nhiệm bằng bảo lãnh này.

Điều kiện của bảo lãnh này là: chậm nhất sau 05 (*năm*) ngày làm việc kể từ ngày Bên bảo lãnh nhận được văn bản chính thức đòi tiền lần đầu được ký và đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Người thụ hưởng, cùng với bản gốc thư bảo lãnh này và các sửa đổi thư bảo lãnh (nếu có) trong đó thông báo rằng Nhà thầu đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng mà không cần bất cứ sự giải thích hoặc bất cứ tài liệu chứng minh nào đính kèm.

Chúng tôi sẽ phải có trách nhiệm thanh toán cho Người thụ hưởng vô điều kiện và không hủy ngang số tiền tối đa được đề cập ở trên cho dù có bất kỳ tranh luận, khiếu nại hoặc kháng nghị, phản đối nào của Nhà thầu hoặc bên bảo lãnh hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Bên bảo lãnh sẽ thanh toán toàn bộ số tiền được ghi trên văn bản đòi tiền trên vào tài khoản ngân hàng được chỉ định trong văn bản chính thức đòi tiền của Người thụ hưởng và không khấu trừ bất cứ số tiền nào vì bất kỳ lý do gì. Tuy nhiên số tiền thanh toán tối đa không vượt quá số tiền trị giá của bảo lãnh tại thời điểm đòi tiền.

Chúng tôi (Người bảo lãnh) không được miễn trừ hoặc giảm trừ giá trị mà chúng tôi có

trách nhiệm bảo lãnh ở trên bởi bất kỳ lý do nào.

Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và hết hiệu lực kể từ ngày phát hành cho tới khi Hai Bên ký kết biên bản nghiệm thu, hoàn thành công việc của Hợp đồng (sau đây gọi là “Ngày hết hạn hiệu lực”).

Sau ngày hết hạn hiệu lực, bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này sẽ tự động hết hiệu lực và không còn bất kỳ giá trị nào cho dù bản gốc thư bảo lãnh có được trả lại cho Bên bảo lãnh hay không.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Người thụ hưởng và Nhà thầu sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này với điều kiện những nội dung thỏa thuận, thay đổi đó là hợp pháp.

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng này phát hành thành 01 (một) bản gốc duy nhất và không được phép chuyển nhượng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

NGÂN HÀNG TMCP

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

- Tên dự án: Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
 - Tên gói thầu: Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công
 - Hợp đồng số: 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022
 - Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến
 - Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mô - Địa chất
 - Thanh toán đợt: Quyết toán

Đơn vị: đồng

| STT | NỘI DUNG CÔNG VIỆC | DIỄN GIẢI | GIÁ TRỊ | GHI CHÚ |
|--|--|--|--------------------|-------------------------------|
| A | GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG | | 300,048,840 | |
| B | GIÁ TRỊ THỰC HIỆN | | | |
| 1 | Giá trị thực hiện lũy kế đến hết kỳ trước | | - | |
| 2 | Giá trị thực hiện kỳ này | | 327,831,849 | |
| 3 | Giá trị thực hiện lũy kế đến hết kỳ này | | 327,831,849 | Đạt 109 % |
| C | GIÁ TRỊ TẠM ỨNG | | | |
| 1 | Giá trị tạm ứng theo hợp đồng | | 90,014,652 | |
| 2 | Khấu trừ tạm ứng lũy kế đến hết kỳ trước | | | |
| 3 | Khấu trừ tạm ứng kỳ này | | | |
| 4 | Khấu trừ tạm ứng lũy kế đến hết kỳ này | | | |
| 5 | Giá trị tạm ứng chưa thu hồi | | | |
| D | GIÁ TRỊ THANH TOÁN | | | |
| 1 | Giá trị thanh toán lũy kế đến hết kỳ trước | | - | |
| 2 | Giá trị thanh toán kỳ này | | | |
| 2a | Giá trị được thanh toán kỳ này | | 327,831,849 | |
| 2b | Các khoản giảm trừ | $2b = 2b1 + 2b2 + 2b3 + 2b4$ | 90,014,652 | |
| 2b1 | Khấu trừ tạm ứng | $30\% * D13$ | 90,014,652 | Khấu trừ hết/Khấu trừ đc 100% |
| 2b2 | Giá trị giữ lại chờ chứng minh chất lượng (nếu có) | | - | |
| 2b3 | Các khoản phạt theo Hợp đồng (nếu có) | | - | |
| 2b4 | Các khoản khấu trừ khác (nếu có) | | - | |
| 2c | Giá trị còn được thanh toán kỳ này | $2c = 2a - 2b$ | 237,817,197 | |
| 3 | Giá trị lũy kế thanh toán đến hết kỳ này | | 237,817,197 | |
| Số tiền đề nghị thanh toán kỳ này bằng chữ: | | Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm mười bảy nghìn một trăm bảy mươi hai đồng. | | |



PGS.TS. Trần Đình Kiên



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Biên bản số 01/NTKLTHT/64/2022/KSDC/BSH-CODECO nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 22... tháng 12... năm 2022)

- Dự án: Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Gói thầu: Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến
- Tư vấn giám sát: Viện Địa kỹ thuật (VGI)
- Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất
- Thanh toán đợt: Quyết toán

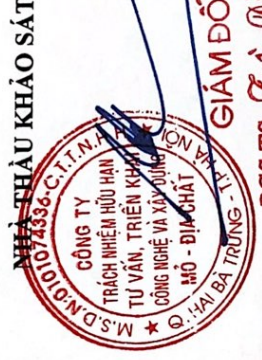
| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | Ghi chú |
|-----|--|-------------|---------------|------------------|-----------------------------|-----------------|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện kỳ này | Lũy kế thực hiện đến kỳ này | Chênh lệch |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (4) - (6) |
| I | Công tác khảo sát hiện trường | | | | | |
| 1 | Khoan khảo sát địa chất cấp đất đá I ~ III | mét | 158.0 | 99.5 | 99.5 | 58.5 |
| 2 | Khoan khảo sát địa chất cấp đất đá IV ~ VI | mét | 92.0 | 141.5 | 141.5 | -49.5 |
| 3 | Thí nghiệm SPT cấp đất đá I ~ III | lần | 79.0 | 38.0 | 38.0 | 41.0 |
| II | Công tác thí nghiệm trong phòng | | | | | |
| 1 | Thí nghiệm 9 chỉ tiêu của mẫu đất nguyên dạng | mẫu | 7.0 | 38.0 | 38.0 | -31.0 |
| 2 | Thí nghiệm 7 chỉ tiêu của mẫu đất không nguyên dạng | mẫu | 5.0 | 0.0 | 0.0 | 5.0 |
| 3 | Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá | mẫu | 4.0 | 25.0 | 25.0 | -21.0 |
| 4 | Thí nghiệm nén cố kết 1 trục dài hạn với các lớp đất yếu | mẫu | 7.0 | 0.0 | 0.0 | 7.0 |
| 5 | Thí nghiệm nén 3 trục theo sơ đồ CU | mẫu | 3.0 | 0.0 | 0.0 | 3.0 |
| 6 | Thí nghiệm nén 3 trục theo sơ đồ UU | mẫu | 3.0 | 0.0 | 0.0 | 3.0 |
| III | Các chỉ phí khác | | | | | |
| 1 | Vận chuyển nhân lực, máy móc thiết bị | TB | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 0.0 |
| 2 | Đền bù hoa màu, cây cối bị hư hại đường đi máy và vị trí khoan | hố | 19.0 | 0.0 | 0.0 | 19.0 |



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hùng



VIỆN TRƯỞNG
GS. Nguyễn Công Mẫn



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

(Số 01/NTKLHT/64/2022/KSĐC/BSH-CODECO)

Gói thầu : Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công
Dự án : Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Địa điểm XD : Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Chủ đầu tư : Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến

I. Đối tượng nghiệm thu:

Khối lượng Quyết toán

II. Thành phần tham gia nghiệm thu:

1. Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ BẮC SÔNG HIẾN

Ông: Nguyễn Quang Hùng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Tuyền

Chức vụ: Giám sát Chủ đầu tư

2. Đại diện Tư vấn giám sát: VIỆN ĐỊA KỸ THUẬT (VGI)

Ông: Nguyễn Công Mẫn

Chức vụ: Viện trưởng

Ông: Trần Danh Mạnh

Chức vụ: Cán bộ giám sát

3. Đại diện nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ông: Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Đỗ Minh Tính

Chức vụ: Chủ trì khảo sát

III. Địa điểm, thời gian nghiệm thu:

1. Địa điểm:

Tại Văn phòng Công ty TNHH Đô thị Bắc sông Hiến

2. Thời gian:

Bắt đầu: giờ phút ngày 20. tháng 12. năm 2022

Kết thúc: giờ phút ngày 20. tháng 12. năm 2022

Căn cứ nghiệm thu:

Căn cứ hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện Gói thầu: Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công.

Căn cứ các biên bản pháp lý liên quan.

Căn cứ vào thực tế thực hiện hợp đồng.

IV. Đánh giá công việc đã thực hiện:

1. Về khối lượng công việc hoàn thành:

| STT | Nội dung công việc | | Đơn vị | Khối lượng | Tổng cộng |
|------|--|--------------------------------------|--------|------------|-----------|
| 1 | Số lượng hố khoan: | | hố | 18 | 18 |
| | - Số lượng hố khoan khảo sát địa chất | | | | |
| 2 | Định vị hố khoan | | hố | 18 | 18 |
| 3 | Tổng chiều sâu các hố khoan khảo sát: | | | | |
| 3.1 | HT3 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 3.2 | 7.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 3.8 | |
| 3.2 | HT4 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 7.0 | 7.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 0.0 | |
| 3.3 | HT5 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 1.5 | 24.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 22.5 | |
| 3.4 | HT6 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 3.0 | 7.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 4.0 | |
| 3.5 | LK1 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 7.4 | 15.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 7.6 | |
| 3.6 | LK2 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 7.5 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 4.5 | |
| 3.7 | LK3 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 9.3 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 2.7 | |
| 3.8 | LK4 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 5.5 | 8.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 2.5 | |
| 3.9 | LK5 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 5.0 | 24.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 19.0 | |
| 3.10 | LK6 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 6.5 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 5.5 | |
| 3.11 | LK7 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 4.6 | 15.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 10.4 | |

| STT | Nội dung công việc | | Đơn vị | Khối lượng | Tổng cộng |
|------|--|--------------------------------------|--------|------------|-----------|
| 3.12 | LK8 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 10.0 | 30.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 20.0 | |
| 3.13 | LK9 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 5.0 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 7.0 | |
| 3.14 | LK10 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 6.0 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 6.0 | |
| 3.15 | LK11 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 5.5 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 6.5 | |
| 3.16 | LK12 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 5.8 | 12.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 6.2 | |
| 3.17 | LK13 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 3.2 | 8.0 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 4.8 | |
| 3.18 | LK14 | - Số mét khoan trong đất cấp I ~ III | m | 3.5 | 12 |
| | | - Số mét khoan trong đá cấp IV ~ VI | m | 8.5 | |
| 4 | Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT), cấp đá I-III | | lần | 38 | 38 |
| 5 | Lấy mẫu thí nghiệm | Mẫu nguyên dạng | mẫu | 38 | 38 |
| | | Mẫu không nguyên dạng | mẫu | 0 | 0 |
| | | Mẫu đá | mẫu | 32 | 32 |
| 6 | Thí nghiệm xác định 9 chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng | | mẫu | 38 | 38 |
| 7 | Thí nghiệm mẫu đá | | mẫu | 25 | 25 |
| 8 | Thí nghiệm nén cố kết mẫu đất yếu | | mẫu | 0 | 0 |
| 9 | Thí nghiệm 3 trục mẫu đất sơ đồ CU | | mẫu | 0 | 0 |
| 10 | Thí nghiệm 3 trục mẫu đất sơ đồ UU | | mẫu | 0 | 0 |
| 11 | Lập báo cáo khảo sát địa chất công trình | | bộ | 06 | 06 |

2. Về chất lượng công việc hoàn thành:

- Đáp ứng được yêu cầu của nội dung hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022 mà hai bên đã ký kết.
- Đúng theo Nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình *Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng* đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- Đúng theo Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng (khảo sát địa chất công trình) *Dự án phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng* đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng; các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành có liên quan áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

V. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành do Nhà thầu khảo sát là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất thực hiện.

Biên bản này là cơ sở để hai bên xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và thanh quyết toán theo quy định của hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu này gồm 4 trang, được lập thành 6 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hùng

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

VIỆN TRƯỞNG
GS. Nguyễn Công Mẫn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc



BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 01/BBTLHĐ

- Căn cứ Hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc thực hiện Gói thầu: Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng..

- Căn cứ Biên bản số 01/NTKLHT/64/2022/KSĐC/BSH-CODECO nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày tháng năm 2022 về việc nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành gói thầu: Khoan khảo sát địa chất công trình giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế bản vẽ thi công thuộc Dự án: phát triển Đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hôm nay, ngày 11... tháng 12... năm 2022, chúng tôi gồm có:

1. Bên giao thầu (Bên A): CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ BẮC SÔNG HIẾN

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Hùng Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số nhà 37, tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Tài khoản : 19038049802011 tại Ngân hàng Thương mại CP kỹ thương Việt Nam Techcombank Đông Đô
Mã số thuế : 4800928404

2. Bên nhận thầu (Bên B): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT (CODECO)

Đại diện : Ông Trần Đình Kiên Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 36, ngõ 30, Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Điện thoại : 0243.7550428
Tài khoản : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội
Mã số thuế : 0101074336

Sau khi bàn bạc hai bên đã đi đến thống nhất như sau:

Điều 1: Các bên cùng thống nhất số tiền Bên A phải thanh toán như sau:

Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất đã thực hiện xong theo nội dung Hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022, các bên cùng thống nhất giá trị Quyết toán công trình như sau:

DVT: VNĐ

| TT | Nội dung | Theo HĐ | Ngoài HĐ | Tổng |
|----|--|--------------------|-------------------|--------------------|
| 1 | Tổng giá trị Hợp đồng số: 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO | 300.048.840 | | 327.831.849 |
| 2 | Giá trị tạm ứng | 90.014.652 | | 90.014.652 |
| 3 | Giá trị quyết toán | 300.048.840 | 27.782.927 | 342.700.200 |
| 4 | Giá trị bảo hành (giám sát tác giả) | | | 0 |
| 5 | Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B: (5) = (3) - (2) - (4) | 210.034.188 | 27.782.927 | 237.817.197 |

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm mười bảy nghìn một trăm chín mươi bảy đồng./.)

Điều 2: Nghĩa vụ của các bên

- 2.1 Bên A có trách nhiệm hoàn thành việc thanh toán giá trị công trình cho Bên B.
- 2.2 Bên B có trách nhiệm hoàn tất đầy đủ các thủ tục cho Bên A theo các điều khoản của Hợp đồng khi Bên A thanh lý hợp đồng.

Điều 3: Điều khoản chung

- 3.1 Hợp đồng số 64/2022/KSĐC/BSH-CODECO ngày 10/10/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH Đô thị Bắc Sông Hiến với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và Bên A thanh toán hết tiền cho Bên B.
- 3.2 Bản thanh lý hợp đồng này gồm 02 trang và được lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hùng